

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 24-8-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1977; thường trú: Xóm B, xã H Nh, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 29/KDC 26 B Q A, phường B Ch, thành phố Th A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1970; thường trú: Xóm B, xã H Nh, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ TH, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Th sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Nh, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/7/1995. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xã H Nh, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An, đến năm 2005 thì vợ chồng chuyển đến tổ 82, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương sinh sống.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất

đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Th thường xuyên đánh đập chị T và hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay nguyên đơn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc L, sinh năm 1998 và Phạm Ngọc B, sinh ngày 01/10/2002. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc B và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phạm Ngọc L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Văn Th*: Tòa án đã triệu tập họp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 16/6/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/7/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 08/4/2020 và ngày 24/8/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Tuyết và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Th do Tòa án tiến hành ngày 02/6/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị T và anh Th trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 08/4/2020 và 24/8/2020 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Th tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Nh, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/7/1995 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Th thường xuyên đánh đập chị T, không chú tâm làm ăn và hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh Th. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc L, sinh năm 1998 và Phạm Ngọc B sinh ngày 01/10/2002. Hiện con chung đang ở cùng với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào lời khai của cháu B mong muốn được sống chung cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu B từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và vẫn phát triển tốt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung Phạm Ngọc B cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Phạm Ngọc L đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Phạm Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T đối với bị đơn anh Phạm Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Ph T, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/7/1995).

Về con chung: Anh Phạm Văn Th giao con chung tên Phạm Ngọc B, sinh ngày 01/10/2002 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Phạm Văn Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Th có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị T phải tạo điều kiện cho anh Phạm Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040452 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**